Câu hỏi và bài tập.

1. Các quyền mà một user có thể được cấp trên một đối tượng CSDL là những quyền nào

SELECT: Can read all columns (including those added later via ALTER TABLE command).

INSERT(col-name): Can insert tuples with non-null or non-default values in this column.

INSERT means same right with respect to all columns.

DELETE: Can delete tuples.

REFERENCES (col-name): Can define foreign keys (in other tables) that refer to this column.

1. Trình bày cú pháp phân quyền cho user trong SQL Server

GRANT privileges ON object TO users [WITH GRANT OPTION]

Privileges : là SELECT hoặc INSERT, hoặc DELETE, hoặc REFERENCES

Object là bảng cấp

Users là người dùng được cấp

GRANT OPTION: tức là người này có quyền cấp quyền của người đó cho người khác (từ khóa này có hay không cũng được)

1. Trình bày cú pháp tạo role và gán user vào role vừa tạo

Use <dbname>

Exec sp\_addrole [@rolename =] ‘role’ [,[@ownername =] ‘owner]

Grant <priviledges> to [role]

sp\_addrolemember [@rolename =] ‘role’, [@membername =] ‘userID’

Role: tên role muốn tạo

Owner: tên user gán làm người sở hữu cho role này

userID: id của các user muốn gán

1. Trình bày cú pháp xóa quyền đã cấp cho môt user

REVOKE <list of privileges>

ON <relation or other object>

FROM <list of authorization ID’s>;

Có 2 option cho REVOKE:

CASCADE: xóa lan truyền (khi một user được cấp quyền GRANT OPTION, cấp quyền truy cập cho người khác, và khi xóa quyền của user đó thì user được cấp quyền cũng sẽ bị xóa theo)

RESTRICT: không xóa lan truyền